

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



TRẦN THÙY HOÀI AN

**PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG,
QUA THỰC TIỄN TẠI TỈNH QUẢNG TRỊ**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 0107

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

QUẢNG TRỊ, NĂM 2018

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Phùng Thị Thùy Linh**

Phản biện 1: TS. Cao Đình Lành

Phản biện 2: PGS. TS. Trần Thị Huệ

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	2
1.Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2.Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3.Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài	3
4.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5.Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
6.Những điểm mới của Luận văn.....	4
7.Kết cấu của luận văn.....	4
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG.....	5
1.1.Khái niệm và đặc điểm của thuế giá trị gia tăng.....	5
1.1.1.Khái niệm về thuế giá trị gia tăng	5
1.1.2.Đặc điểm về thuế giá trị gia tăng.....	5
1.2.Những vấn đề lý luận về pháp luật thuế giá trị gia tăng	5
1.2.1Khái niệm pháp luật thuế giá trị gia tăng.....	5
1.2.2Cấu trúc của pháp luật thuế giá trị gia tăng.....	6
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	6
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ.	7
2.1.Thực trạng pháp luật về thuế giá trị gia tăng	7
2.1.1.Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng	7
2.1.2.Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng	7
2.1.3.Đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng	7
2.1.4.Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng	8
2.1.4.1.Giá tính thuế giá trị gia tăng.....	8
2.1.4.2.Thuế suất thuế giá trị gia tăng	8
2.1.4.3.Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng	8
2.1.5.Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế trong cơ chế thi hành Luật thuế giá trị gia tăng:.....	8
2.1.5.1.Đăng ký thuế và cấp mã số thuế.....	8
2.1.5.2.Kê khai thuế giá trị gia tăng	9
2.1.5.3.Nộp thuế giá trị gia tăng	9
2.1.5.4.Hoàn thuế giá trị gia tăng	9
2.1.6.Hóa đơn, chứng từ.....	9
2.2.Thực trạng thi hành Luật thuế giá trị gia tăng ở địa bàn tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua.....	9

2.2.1. Tình hình quản lý đăng ký thuế, kê khai thuế.....	9
2.2.2. Tình hình thực hiện dự toán thu thuế GTGT tại Cục Thuế tỉnh Quảng Trị	10
2.2.3. Thực trạng công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.....	10
2.2.4. Thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra thuế	10
2.2.5. Công tác hoàn thuế giá trị gia tăng	11
2.3. Những tồn tại trong thực tiễn áp dụng Luật Thuế Giá trị gia tăng ...	11
2.3.1. Bất cập trong quy định về phạm vi áp dụng thuế giá trị gia tăng ..	11
2.3.2. Bất cập trong quy định về căn cứ tính thuế giá trị gia tăng	11
2.3.3. Bất cập quy định về phương pháp tính thuế giá trị gia tăng.....	11
2.3.4. Bất cập trong quy định về khấu trừ, hoàn thuế giá trị gia tăng	12
2.4. Một số trường hợp gian lận thuế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.....	12
2.4.1. Mua bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp.....	12
2.4.2. Cố tình kê khai sai để chiếm đoạt tiền hoàn thuế:	12
2.5. Nguyên nhân của tình trạng gian lận thuế giá trị gia tăng:.....	12
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....	13
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG.....	14
3.1. Định hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật	14
3.1.1. Điều chỉnh pháp luật thuế để phù hợp hơn với thông lệ quốc tế...	14
3.1.2. Hoàn thiện hiệu quả thi hành phù hợp với sự phát triển của công nghệ thông tin.....	14
3.1.3. Hoàn thiện chính sách thuế giá trị gia tăng.....	14
3.1.4. Hoàn thiện cơ chế đảm bảo thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng	14
3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật.....	15
3.2.1. Một số giải pháp hoàn thiện luật thuế giá trị gia tăng trong thời gian tới.....	15
3.2.1.1 Sửa đổi, bổ sung một số quy định về đối tượng chịu thuế GTGT	15
3.2.1.2 Hoàn thiện các quy định về căn cứ tính thuế và thuế suất, phương pháp tính thuế.....	15
3.2.1.3 Cần sửa đổi các quy định về khấu trừ thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng	15
3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật thuế GTGT	15
3.2.2.1 Cải cách mạnh mẽ công tác thanh tra, kiểm tra thuế	15
3.2.2.2 Hiện đại công tác quản lý thuế bằng công cụ tin học	16
3.2.2.3 Hoàn thiện chế độ quản lý chứng từ, hoá đơn giá trị gia tăng.....	16

3.2.2.4Sửa đổi, bổ sung một số quy định về đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế giá trị gia tăng	16
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	16
KẾT LUẬN	17
TÀI LIỆU THAM KHẢO	17
PHỤ LỤC	17

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Ở nước ta, thuế giá trị gia tăng là một trong những sắc thuế lớn và quan trọng trong hệ thống thuế, được áp dụng chính thức ở Việt Nam từ năm 1999 thay thế cho thuế doanh thu. Về mặt lý thuyết đây là loại thuế có tính khoa học rất cao, có khả năng tạo công bằng trong việc thu thuế, thúc đẩy các doanh nghiệp cải tiến quản lý, tăng năng suất lao động, hạ giá thành để cạnh tranh thuận lợi ở trong và ngoài nước, điều quan trọng hơn nữa là thuế giá trị gia tăng có thể khắc phục được nhược điểm thuế chồng thuế của thuế doanh thu trước đây. Thuế giá trị gia tăng đóng góp phần lớn giá trị trong kế hoạch thu thuế của ngành thuế, điều đó nói lên vai trò quan trọng của nó trong hệ thống Thuế của nước ta hiện nay. Ngày 03/06/2008 tại kỳ họp thứ 3 quốc hội XII Quốc Hội đã thông qua Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 thay thế luật thuế giá trị gia tăng năm 1999. Luật thuế giá trị gia tăng 2008 số 13/2008/QH12 ra đời đánh dấu sự phát triển mới về chính sách thuế giá trị gia tăng của nước ta. Từ đó đến nay, xuất phát từ yêu cầu của việc không ngừng hoàn thiện pháp luật thuế nói chung, pháp luật thuế giá trị gia tăng nói riêng nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, Luật thuế giá trị gia tăng 2008 đã được sửa đổi, bổ sung ba lần: “*Năm 2013, năm 2014 và lần gần đây nhất là năm 2016*”. Tuy nhiên, các quy định đó vẫn còn hạn chế như nhiều quy định pháp luật còn mang tính chung chung, rườm rà. Có thể thấy rằng, thuế giá trị gia tăng là sắc thuế có phạm vi tác động rất rộng, phương thức điều tiết thuế phức tạp hơn các loại thuế gián thu khác. Mặt khác, trong quá trình phát triển kinh tế xã hội nhanh như hiện nay, các đối tượng nằm trong phạm vi chịu thuế, miễn thuế... đã có nhiều thay đổi dẫn tới tình trạng những nhóm đối tượng này không được đối xử một cách công bằng, không khuyến khích được sản xuất, kinh doanh, chính vì vậy dẫn đến việc áp dụng pháp luật trong thực tiễn ở các địa phương gặp không ít khó khăn.

Bên cạnh đó, nước ta đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia ký kết các hiệp định song phương và đa phương về thuế, đặc biệt là tham gia vào WTO với những cam kết cắt giảm thuế theo lộ trình trong thời gian sắp tới đã được xây dựng và thông qua nên việc hoàn thiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng là hết sức cần thiết để Luật thuế giá trị gia tăng được thực thi tốt hơn, phát huy được hết vai trò quan trọng của nó trong giai đoạn hiện nay, cũng như trong tương lai một cách ổn định và bền vững. Xuất phát từ yêu cầu này, Tác giả lựa chọn đề

tài: **“Pháp luật về thuế giá trị gia tăng, qua thực tiễn tại tỉnh Quảng Trị”** làm luận văn thạc sĩ luật học.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Pháp luật thuế giá trị gia tăng được đề cập thường xuyên trong nghiên cứu và giảng dạy về Nhà nước và pháp luật, đặc biệt là ngành Luật kinh tế. Trong giáo trình luật của các trường đại học (Giáo trình Luật thuế Việt Nam) đều có trình bày về pháp luật thuế giá trị gia tăng. Đã có công trình nghiên cứu khoa học pháp lý mang tầm vĩ mô về pháp luật thuế giá trị gia tăng như luận án tiến sĩ của tác giả Nguyễn Thị Thương Huyền (2002), Những vấn đề pháp lý về việc áp dụng thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam, Luận án tiến sĩ kinh tế, Học viện Tài Chính. Ngoài ra, cũng có nhiều công trình nghiên cứu pháp luật khác đề cập đến vấn đề về pháp luật thuế giá trị gia tăng dưới nhiều góc độ, khía cạnh khác nhau: Nguyễn Bích Diệp (2016), Thực thi pháp luật thuế giá trị gia tăng tại Cục thuế tỉnh Quảng Ninh, luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội; Nguyễn Thị Thùy Trang (2016), Thực tiễn thi hành pháp luật về khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng tại Chi cục Thuế huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội; Tô Tiên Thành (2013), Pháp luật thuế Giá trị gia tăng ở Việt nam và thực tiễn trên địa bàn tỉnh Nam Định, Luận văn thạc sĩ luật học, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Những công trình nghiên cứu trên đều có cách tiếp cận vấn đề khác nhau liên quan đến pháp luật thuế giá trị gia tăng. Tuy nhiên, trong bối cảnh khung pháp luật về thuế GTGT ở Việt Nam đã có nhiều thay đổi so với giai đoạn trước đây (vào thời điểm các công trình luận văn, luận án nói trên đã được công bố), việc tiếp tục nghiên cứu chủ đề pháp luật thuế GTGT trong thời điểm hiện nay cũng là cần thiết, đặc biệt là việc nghiên cứu từ góc độ thực tiễn, gắn với quá trình thực hiện pháp luật thuế GTGT trên địa bàn cụ thể. Để xây dựng được một hệ thống pháp lý hoàn chỉnh về pháp luật thuế giá trị gia tăng, điều cần thiết là phải chỉ ra được những vướng mắc, những điểm không phù hợp và cần bổ sung những quy định mới hợp lý. Từ đó, ta mới có cơ sở để thảo luận đánh giá, đề ra phương hướng và phương pháp giải quyết các vướng mắc chính xác và có hiệu quả thực tế cao. Chính vì vậy, Tác giả trên cơ sở những lý luận đã có, phân tích nội dung quy định của pháp luật Việt Nam về thuế giá trị gia tăng, đồng thời đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong các quy định đó, làm rõ thực tế thực thi, áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật thuế giá trị gia tăng.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

3.1 Mục đích nghiên cứu đề tài

Luận văn làm rõ các vấn đề lý luận và thực tiễn cho việc hoàn thiện các quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng, đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc áp dụng luật thuế giá trị gia tăng nói chung và trên phạm vi địa bàn tỉnh Quảng Trị nói riêng.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Để hoàn thành mục đích nghiên cứu, Tác giả đề ra một số nhiệm vụ sau:

- Làm rõ cơ sở lý luận, khoa học và thực tiễn áp dụng về thuế GTGT.

- Đánh giá thực trạng nhằm so sánh, phân tích đánh giá những tồn tại, hạn chế từ thực trạng áp dụng pháp luật về thuế giá trị gia tăng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Dự báo tình hình trong thời gian tới và những yếu tố tác động tới việc áp dụng luật thuế GTGT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả đảm bảo thực hiện luật thuế giá trị gia tăng

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là: Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19/6/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật thuế số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 phân Thuế giá trị gia tăng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật thuế số 106/2016/QH13 ngày 6/4/2016 phần Thuế giá trị gia tăng và hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành luật thuế giá trị gia tăng...

4.2 Phạm vi nghiên cứu

* *Không gian nghiên cứu*: Những vấn đề lý luận và thực tiễn của pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

* *Địa bàn nghiên cứu*: Tỉnh Quảng Trị.

* *Thời gian nghiên cứu*: Từ năm 2014 đến tháng 9/2018.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1 Phương pháp luận nghiên cứu

Luận văn được tác giả nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, định hướng của Đảng và Nhà nước về pháp luật thuế giá trị gia tăng.

5.2 Phương pháp nghiên cứu

Qua nghiên cứu, để thực hiện các mục tiêu đề ra, tác giả sử dụng các phương pháp cụ thể như sau:

- Phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh những văn bản và phân tích quy phạm được sử dụng xuyên suốt trong cả nội dung Chương 1 và Chương 2 của Luận văn nhằm phân tích các quy định của Luật thuế giá trị gia tăng; làm rõ khái niệm về thuế, các khái niệm liên quan đến thuế giá trị gia tăng, bản chất của các đối tượng trong phạm vi của thuế giá trị gia tăng trên cơ sở đó chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân nhằm đề ra những giải pháp khắc phục.

- Phương pháp nghiên cứu điển hình được tác giả sử dụng để nghiên cứu các hồ sơ, vụ án có liên quan đến thuế giá trị gia tăng từ đó rút ra được những kẽ hở, thiếu sót trong thực tiễn áp dụng pháp luật Thuế GTGT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Phương pháp đánh giá, bình luận được Tác giả sử dụng trong Luận văn để thể hiện những quan điểm của mình trong các quy định và thực tiễn thực thi pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

6. Những điểm mới của Luận văn

6.1 Đóng góp mới ở khía cạnh khoa học của Luận văn

Luận văn phát triển một số vấn đề lý luận mới về pháp luật thuế giá trị gia tăng. Góp phần vào việc xây dựng luận cứ khoa học trong hoàn thiện pháp luật về thuế giá trị gia tăng nói chung và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị nói riêng.

6.2 Đóng góp mới ở khía cạnh thực tiễn của luận văn

- Nhận diện và đánh giá toàn diện, có căn cứ khoa học và thực tiễn trong áp dụng luật thuế giá trị gia tăng trên địa bàn giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2018.

- Chỉ ra những yêu cầu mang tính cấp thiết, tính khách quan và chủ quan, những định hướng cơ bản trong việc hoàn thiện pháp luật thuế giá trị gia tăng, đồng thời đưa ra được những giải pháp và kiến nghị nhằm khắc phục những hạn chế đảm bảo thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng. Góp phần nâng cao hiệu quả thực thi, phát huy hết vai trò quan trọng của pháp luật thuế giá trị gia tăng trong giai đoạn hiện nay.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài danh mục từ viết tắt, lời nói đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn được kết cấu thành ba chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn áp dụng thuế giá trị gia tăng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Chương 3: Định hướng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1.1. Khái niệm và đặc điểm của thuế giá trị gia tăng

1.1.1. Khái niệm về thuế giá trị gia tăng

Theo Điều 2, Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 do Quốc hội nước ta ban hành ngày 03/06/2008 và cũng là văn bản luật hiện nay đang áp dụng, thuế giá trị gia tăng được định nghĩa như sau: “*Thuế giá trị gia tăng là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng*”.

1.1.2. Đặc điểm về thuế giá trị gia tăng

➤ Thứ nhất: Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng là hàng hóa được tiêu dùng, dịch vụ được sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam.

➤ Thứ hai: Thuế giá trị gia tăng có căn cứ tính thuế là phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ trong các khâu của quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

➤ Thứ ba: Thuế giá trị gia tăng có phạm vi tác động rộng, đánh vào hầu hết các hàng hóa, dịch vụ được tiêu dùng trên lãnh thổ Việt Nam.

➤ Thứ tư: Thuế giá trị gia tăng phát sinh nhiều lần, xuất hiện ở mỗi khâu của quá trình kinh doanh từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng, người tiêu dùng là người phải trả tiền thuế cho tất cả các khâu trước đó.

➤ Thứ năm: Thuế giá trị gia tăng có tính chất lũy thoái so với thu nhập.

➤ Thứ sáu: Thuế giá trị gia tăng có tính trung lập kinh tế cao.

1.2. Những vấn đề lý luận về pháp luật thuế giá trị gia tăng

1.2.1 Khái niệm pháp luật thuế giá trị gia tăng

Các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ thuế GTGT được thể hiện dưới các hình thức văn bản khác nhau và do nhiều cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, song cần phải khẳng định Luật thuế GTGT là cơ sở pháp lý trực tiếp làm phát sinh nghĩa vụ thuế GTGT, là bộ phận cơ bản có giá trị pháp lý chi phối các văn bản pháp luật khác trong hệ thống các văn bản pháp luật về thuế GTGT.

Từ sự phân tích trên đây, có thể đưa ra khái niệm pháp luật thuế GTGT như sau: “*Pháp luật thuế GTGT là tổng hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong quá trình thu, nộp và quản lý thuế giá trị gia tăng.*”

1.2.2 Cấu trúc của pháp luật thuế giá trị gia tăng

Cấu trúc của pháp luật thuế GTGT chính là các bộ phận cấu thành nên pháp luật thuế GTGT. Về phương diện lý thuyết, cấu trúc này bao gồm các nhóm quy phạm pháp luật chủ yếu sau đây:

- Nhóm quy phạm pháp luật quy định về phạm vi áp dụng thuế GTGT.
 - Nhóm quy phạm pháp luật quy định về căn cứ tính thuế GTGT.
 - Nhóm quy phạm pháp luật quy định về phương pháp tính thuế GTGT.
 - Nhóm quy phạm pháp luật quy định về khấu trừ, hoàn thuế GTGT.
 - Nhóm quy phạm pháp luật quy định về hoá đơn, chứng từ.
- Về hoá đơn, chứng từ gồm các quy phạm xác định loại hoá đơn GTGT cho từng chủ thể kinh doanh; các yêu cầu về nội dung cũng như hình thức của hoá đơn GTGT; quy định về việc tạo lập, phát hành, sử dụng và quản lý hoá đơn GTGT.
- Nhóm quy phạm pháp luật quy định về quản lý thuế GTGT.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận chung nhất về pháp luật thuế giá trị gia tăng, đưa ra thông tin về khái niệm, đặc điểm cũng như các bộ phận cấu thành của pháp luật thuế giá trị gia tăng sẽ là tiền đề để luận văn triển khai nghiên cứu thực trạng pháp luật thuế giá trị gia tăng và làm rõ thực tiễn thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ.

2.1. Thực trạng pháp luật về thuế giá trị gia tăng

2.1.1. Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng là hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng được quy định rõ tại điều 5 luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12. Nhìn chung, đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng có thể phân thành hai nhóm:

** Thứ nhất, nhóm hàng hóa, dịch vụ có được từ hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng tại Việt Nam.*

** Thứ hai, nhóm hàng hóa, dịch vụ có được từ hoạt động nhập khẩu và được tiêu dùng trên lãnh thổ Việt Nam.*

2.1.2. Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng

Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định tại Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng, khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng ngày 19/6/2013 và khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế 2016¹

Cụ thể có 25 trường hợp hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng có thể chia thành các nhóm sau:

Nhóm 1: Nhóm hàng hóa được Nhà nước khuyến khích sản xuất kinh doanh và tiêu dùng.

Nhóm 2: Bao gồm các hàng hóa, dịch vụ mà nếu chịu thuế thì không thực hiện mục đích điều tiết của thuế do người nộp thuế chính là Nhà nước.

Nhóm 3: Các hàng hóa, dịch vụ không phát sinh giá trị gia tăng hoặc không thể xác định được giá trị gia tăng.

Nhóm 4: Các hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho mục đích công cộng, mục đích nhân đạo cần khuyến khích phát triển.

Nhóm 5: Các hàng hóa, dịch vụ không tiêu dùng trên lãnh thổ Việt Nam.

Nhóm 6: Các trường hợp còn lại.

2.1.3. Đối tượng nộp thuế giá trị gia tăng

¹ Điều 5, Văn bản hợp nhất Luật Thuế giá trị gia tăng số 01/VBHN-VPQH ngày 28/4/2016 của Văn phòng Quốc Hội

Là các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam không phân biệt ngành nghề, hình thức tổ chức kinh doanh (gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế giá trị gia tăng (gọi là người nhập khẩu)² là người nộp thuế giá trị gia tăng.

2.1.4. Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng

Căn cứ tính thuế GTGT là giá tính thuế và thuế suất thuế giá trị gia tăng³

2.1.4.1. Giá tính thuế giá trị gia tăng

Nguyên tắc xác định là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng được xác định trên hóa đơn bán hàng của người bán và chứng từ nhập khẩu của hàng hóa nhập khẩu bao gồm các khoản phụ thu, phí phụ thêm mà cơ sở sản xuất kinh doanh được hưởng. Giá tính thuế được xác định bằng đồng Việt Nam⁴.

2.1.4.2. Thuế suất thuế giá trị gia tăng

Hiện nay, thuế giá trị gia tăng có ba mức thuế suất được áp dụng cho từng nhóm mặt hàng khác nhau: 0%, 5% và 10%⁵.

2.1.4.3. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng

Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật thuế giá trị gia tăng và Khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, được chia thành hai trường hợp:

- (i) Áp dụng đối với hoạt động mua, bán, chế tác vàng bạc, đá quý.
- (ii) Áp dụng với các trường hợp còn lại.

2.1.5. Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế trong cơ chế thi hành Luật thuế giá trị gia tăng:

2.1.5.1. Đăng ký thuế và cấp mã số thuế

Thời điểm cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là thời điểm để tính thời hạn thực hiện nghĩa vụ thuế. Việc đăng ký thuế phải tuân thủ theo những trình tự thủ tục nhất định gọi là quy trình đăng ký thuế. Kết quả của đăng ký thuế là mỗi đối tượng nộp thuế được cấp một mã số thuế. Mã số thuế là cơ sở pháp lý để nhận diện người nộp thuế, là điều kiện thiết yếu về phương diện pháp lý để quản lý và thực hiện thuế giá trị gia tăng.

² Điều 4, Văn bản hợp nhất Luật Thuế giá trị gia tăng số 01/VBHN-VPQH ngày 28/4/2016 của VPQH

³ Điều 6, Văn bản hợp nhất Luật Thuế giá trị gia tăng số 01/VBHN-VPQH ngày 28/4/2016 của VPQH

⁴ Điều 7, Văn bản hợp nhất Luật Thuế giá trị gia tăng số 01/VBHN-VPQH ngày 28/4/2016 của VPQH

⁵ Điều 8, Văn bản hợp nhất Luật Thuế giá trị gia tăng số 01/VBHN-VPQH ngày 28/4/2016 của Văn phòng Quốc Hội

2.1.5.2. *Kê khai thuế giá trị gia tăng*

➤ **Kê khai theo quý**

- Doanh nghiệp mới thành lập.
- Doanh nghiệp có tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống

➤ **Kê khai theo tháng:** Doanh nghiệp đã và đang hoạt động có tổng doanh thu năm bán hàng và cung cấp dịch vụ năm trước liền kề trên 50 tỷ đồng.

2.1.5.3. *Nộp thuế giá trị gia tăng*

Nộp thuế giá trị gia tăng là việc người cung cấp hàng hoá, dịch vụ chuyển thuế đã thu hộ Nhà nước do người tiêu dùng trả thông qua cơ chế giá khi mua hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng vào kho bạc Nhà nước. Đây là nghĩa vụ cơ bản nhất của mỗi đối tượng nộp thuế.

2.1.5.4. *Hoàn thuế giá trị gia tăng*

Do thuế giá trị gia tăng “thu hộ” của doanh nghiệp bán hàng là thuế giá trị gia tăng “trả hộ” của doanh nghiệp mua hàng nên việc hoàn thuế giá trị gia tăng của một doanh nghiệp có liên quan đến việc nộp thuế của doanh nghiệp khác. Vì vậy, có thể nói việc hoàn thuế giá trị gia tăng diễn ra trên phạm vi rộng, bao hàm nhiều mối quan hệ phức tạp và có sự liên hoàn giữa các đối tượng nộp thuế.

2.1.6. **Hóa đơn, chứng từ**

Trong điều kiện thực hiện thuế giá trị gia tăng, hoá đơn, chứng từ là cơ sở để kiểm tra thuế giá trị gia tăng, là căn cứ để xác định thuế giá trị gia tăng đầu vào và đầu ra để xác định số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, miễn giảm, phải nộp hay được hoàn lại trong kỳ.

2.2. **Thực trạng thi hành Luật thuế giá trị gia tăng ở địa bàn tỉnh Quảng Trị trong thời gian qua**

2.2.1. **Tình hình quản lý đăng ký thuế, kê khai thuế**

Nhìn nhận về tình hình đăng ký thuế, kê khai thuế của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, ta xem xét Bảng số liệu Tình hình kê khai thuế GTGT trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014 – 2018 [Bảng 2, Phụ lục]. Bảng số liệu đã phản ánh tình hình đăng ký thuế so với tình hình kê khai thuế của doanh nghiệp. Cụ thể: năm 2014 cấp mã số thuế cho 2818 đơn vị nhưng chỉ có 2735 đơn vị đăng ký thuế đạt 97,05%; năm 2015 cấp mã số thuế cho 2840 đơn vị nhưng chỉ có 2785 đơn vị đăng ký thuế đạt 98,06%; năm 2016 cấp mã số thuế cho 3110 đơn vị nhưng chỉ có 3043 đơn vị đăng ký thuế đạt 97,85% ; năm 2017 cấp mã số thuế cho 2960 đơn vị nhưng chỉ có 2888 đơn vị đăng ký thuế đạt 97,57%; 9 tháng

đầu năm 2018 cấp mã số thuế cho 3173 đơn vị nhưng chỉ có 3113 đơn vị đăng ký thuế đạt 98,11%. Nguyên nhân là do việc cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch – Đầu tư cấp, một số doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng không đến cơ quan thuế khai thuế.

2.2.2. Tình hình thực hiện dự toán thu thuế GTGT tại Cục Thuế tỉnh Quảng Trị

Xác định thuế giá trị gia tăng là một trong những nguồn thu chủ yếu của Ngân sách nhà nước, thời gian qua Cục Thuế tỉnh Quảng Trị đã đặc biệt quan tâm đến công tác quản lý số thu thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Vì vậy trong giai đoạn 2014 – 2018 số thu, nộp thuế giá trị gia tăng vượt mức kế hoạch được giao, số nộp năm sau luôn cao hơn năm trước.

Cụ thể tại Bảng Tình hình thu nộp thuế GTGT tại Cục Thuế tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014 – 2018 [Bảng 3, Phụ lục]. Qua bảng số liệu cho thấy tổng số thuế thu được tăng dần qua các năm, cụ thể: năm 2017 thu được số thuế là 2.079.649 triệu đồng, tăng 866.801 triệu đồng tương ứng 71,47% so với năm 2014.

Số thu thuế giá trị gia tăng của tỉnh Quảng Trị; năm 2014 đạt 304.362 triệu đồng, chiếm 25.09% tổng số thu của Cục Thuế; năm 2015 đạt 504.205 triệu đồng, chiếm 33.21% tổng số thu của Cục Thuế; năm 2016 đạt 562.046 triệu đồng, chiếm 28.96% tổng số thu của Cục Thuế; năm 2017 đạt 592.638 triệu đồng, chiếm 28.50% tổng số thu của Cục Thuế; 9 tháng đầu năm 2018 đạt 458.553 triệu đồng, chiếm 34.11% tổng số thu của Cục Thuế.

2.2.3. Thực trạng công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Qua quá trình quản lý thuế giá trị gia tăng cho thấy: nhìn chung các doanh nghiệp ngày càng có ý thức chấp hành Luật thuế nói chung (thuế giá trị gia tăng nói riêng). Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số doanh nghiệp chây ì không chấp hành nộp thuế đúng thời hạn, nhiều doanh nghiệp nợ thuế sau đó bỏ trốn dẫn đến việc nợ thuế ngày càng tăng, đặc biệt là khoản nợ khó thu có xu hướng tăng (tập trung chủ yếu vào các doanh nghiệp ngoài quốc doanh). Công tác quản lý nợ được thể hiện qua số liệu ở bảng Tình hình nợ thuế giá trị gia tăng tại địa bàn Cục Thuế tỉnh Quảng Trị quản lý [Bảng 5, Phụ lục].

2.2.4. Thực trạng công tác thanh tra, kiểm tra thuế

Quá trình thanh tra, kiểm tra qua các năm đã phát hiện và xử lý một số hành vi vi phạm khá phổ biến như: “Không thực hiện thanh toán qua ngân hàng theo quy định mà thanh toán bằng hình thức bên mua nộp

tiền mặt trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của bên bán hoặc thanh toán bằng tiền mặt nhưng vẫn kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng; Lập hóa đơn bán và tờ khai xuất khẩu trước thời điểm ghi trên hóa đơn mua vào; Giá hàng hóa bán ra thấp so với giá giao dịch thông thường trên thị trường; Xác định không đúng kết quả kinh doanh được ưu đãi theo địa bàn được ưu đãi; Lập bảng kê mua hàng chưa phù hợp; Kê khai trùng lặp hóa đơn mua vào, kê khai sai về mặt số học”.

2.2.5. Công tác hoàn thuế giá trị gia tăng

Tình hình kiểm tra trước hoàn thuế giá trị gia tăng tại địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn từ năm 2014 đến năm 2018 được thể hiện qua bảng Tình hình kiểm tra trước hoàn thuế giá trị gia tăng tại địa bàn tỉnh Quảng Trị [Bảng 7, Phụ lục].

Dựa vào bảng số liệu cho thấy, giai đoạn 2014 - 2018, cơ quan thuế đã tiến hành kiểm tra trước hoàn được 2.705 hồ sơ, trong 2.643.235 triệu đồng số thuế các doanh nghiệp đề nghị hoàn thì cơ quan thuế sau khi tiến hành kiểm tra xác định đủ điều kiện hoàn là 2.369.813 triệu đồng, số tiền thuế không đủ điều kiện được hoàn là 306.688 triệu đồng.

2.3. Những tồn tại trong thực tiễn áp dụng Luật Thuế Giá trị gia tăng

2.3.1. Bất cập trong quy định về phạm vi áp dụng thuế giá trị gia tăng

Thứ nhất, các đối tượng không chịu thuế GTGT chỉ nên giới hạn trong một số ít các trường hợp.

Thứ hai, quy định 26 nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT chưa hợp lý.

Thứ ba, khoản 25 Điều 5 Luật thuế GTGT có quy định chưa hợp lý.

Thứ tư, bất cập tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 123/2008/NĐ-CP về hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng các công trình.

2.3.2. Bất cập trong quy định về căn cứ tính thuế giá trị gia tăng

Thứ nhất, hạn chế, bất cập của quy định về giá tính thuế GTGT.

Thứ hai, hạn chế, bất cập của quy định về thuế suất.

2.3.3. Bất cập quy định về phương pháp tính thuế giá trị gia tăng

Thứ nhất, việc quy định hai phương pháp tính thuế không còn phù hợp.

Thứ hai, quy định về ngưỡng doanh thu hàng năm từ một tỷ đồng trở lên mới được áp dụng phương pháp khấu trừ thuế là “lợi bất cập hại”.

Thứ ba, đổi mới thủ tục quy định tại khoản 7, Điều 11 Thông tư 156/2013/TT-BTC đang gây phiền hà, bất cập cho doanh nghiệp.

2.3.4. Bất cập trong quy định về khấu trừ, hoàn thuế giá trị gia tăng

Thứ nhất, bất cập của quy định về khấu trừ thuế GTGT.

Thứ hai, bất cập của quy định về hoàn thuế GTGT.

2.4. Một số trường hợp gian lận thuế trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

2.4.1. Mua bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp

Diễn hình của việc sử dụng hóa đơn bất hợp pháp để trốn thuế là trường hợp Công ty Cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị có trụ sở đóng tại Khu công nghiệp Nam Đông Hà (Đông Lương, Đông Hà, Quảng Trị).

2.4.2. Cố tình kê khai sai để chiếm đoạt tiền hoàn thuế:

Một trường hợp khác vừa được Cục Hải quan Quảng Trị phát hiện đầu năm 2018, một vụ “khai khống” lớn nhất từ năm 2015 đến nay dù lô hàng thuộc 'luồng xanh', doanh nghiệp cố tình khai khống để được hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hàng xuất khẩu.

2.5. Nguyên nhân của tình trạng gian lận thuế giá trị gia tăng:

Thứ nhất, do chính sách, pháp luật quy định diện được hoàn thuế rộng.

Thứ hai, do trình độ quản lý chưa tương xứng với yêu cầu của công tác quản lý.

Thứ ba, do công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, công chức chưa được quan tâm đúng mức.

Thứ tư, do ý thức pháp luật của đối tượng nộp thuế và nhận thức của người dân về thuế còn hạn chế, kỷ cương về thuế còn lỏng lẻo.

Thứ năm, do áp dụng cơ chế “tiền thoái hậu kiểm”.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 tập trung đi sâu vào phân tích và đánh giá thực trạng thi hành luật thuế giá trị gia tăng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2018 (9 tháng đầu năm 2018). Trên cơ sở điem qua đặc điểm của tỉnh Quảng Trị về điều kiện tự nhiên, nhìn nhận tổng quan thực trạng thi hành luật trên địa bàn, từ đó phân tích các yếu tố khách quan và chủ quan, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của tình trạng gian lận thuế giá trị gia tăng trên địa bàn.

Những nguyên nhân dẫn đến những tồn tại hạn chế của thực tiễn thi hành luật thuế giá trị gia tăng là do quy định của chính sách pháp luật thuế giá trị gia tăng khá thông thoáng, do trình độ quản lý của cơ quan thuế trên địa bàn, do ý thức pháp luật của đối tượng nộp thuế... Phân tích nguyên nhân của tồn tại, hạn chế để làm cơ sở cho việc đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng trong thời gian tới.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT, NÂNG CAO HIỆU ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

3.1. Định hướng hoàn thiện các quy định của pháp luật

3.1.1. Điều chỉnh pháp luật thuế để phù hợp hơn với thông lệ quốc tế

Yêu cầu đặt ra là hoàn thiện pháp luật thuế giá trị gia tăng theo hướng đơn giản, ổn định, công bằng, hiệu quả và đáp ứng xu thế hội nhập và toàn cầu hoá hiện nay.

3.1.2. Hoàn thiện hiệu quả thi hành phù hợp với sự phát triển của công nghệ thông tin.

Chưa bao giờ hoạt động mua bán qua mạng internet lại trở nên dễ dàng như bây giờ. Thông qua các trang thông tin điện tử hay các ứng dụng thông minh trên Smartphone như Facebook, Shoppe, Lazada... người ta có thể rao bán bất cứ thứ gì, chỉ vài thao tác đơn giản như lập trang mua bán trên internet và quảng cáo sản phẩm của họ. Do đó, với các cá nhân bán hàng qua mạng, tác giả cho rằng cần nghiên cứu bổ sung quy định pháp luật liên quan về chính sách thu thuế đối với hàng hóa giữa các cá nhân này. Có ý kiến đề xuất nên quy định một sản phẩm hàng hóa có giá trị từ 1 triệu đồng/lần trở lên sẽ thu thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ % và không thu thuế đối với một sản phẩm hàng hóa có giá trị dưới 1 triệu đồng/lần. “Trường hợp một sản phẩm hàng hóa dưới 1 triệu đồng mà tần suất giao dịch từ 2 lần/ngày thì thực hiện thu thuế giá trị gia tăng và thu nhập cá nhân theo quy định.

3.1.3. Hoàn thiện chính sách thuế giá trị gia tăng

Thứ nhất, quy định về dịch vụ xuất khẩu.

Thứ hai, Luật hiện nay chưa quy định hợp lý về nhóm hàng xuất khẩu bị trả về.

Thứ ba, trong cơ cấu các doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam, số lượng các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ tương đối lớn.

3.1.4. Hoàn thiện cơ chế đảm bảo thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng

Thứ nhất, cải cách thể chế hành chính thuế.

Thứ hai, cải cách bộ máy hành chính thuế.

Thứ ba, xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ công chức thuế, trong cải cách hành chính thuế.

Thứ tư, cải cách chế độ tiền lương, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các chế độ chính sách đối với cán bộ công chức thuế.

3.2. Các giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật

3.2.1. Một số giải pháp hoàn thiện luật thuế giá trị gia tăng trong thời gian tới

3.2.1.1 Sửa đổi, bổ sung một số quy định về đối tượng chịu thuế GTGT

Thứ nhất, giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT bằng cách loại bỏ một số hàng hoá, dịch vụ hiện nay nằm trong Điều 5 Luật thuế GTGT, nghĩa là mở rộng phạm vi đối tượng chịu thuế GTGT

Thứ hai, sửa đổi khoản 6 Điều 3 Nghị định số 123/2008/NĐ-CP.

Thứ ba, bỏ khoản 25 Điều 5 Luật thuế GTGT .

3.2.1.2 Hoàn thiện các quy định về căn cứ tính thuế và thuế suất, phương pháp tính thuế

Về giá tính thuế, pháp luật thuế giá trị gia tăng cần nhất thể hoá giá tính thuế là giá chưa có thuế giá trị gia tăng.

Về mặt lý luận, thuế suất thuế giá trị gia tăng càng thấp thì càng ít gây ra sự vi phạm từ phía người tiêu dùng và doanh nghiệp.

Về phương pháp tính thuế, cần quy định một phương pháp duy nhất đó là phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng.

3.2.1.3 Cần sửa đổi các quy định về khấu trừ thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng

Về khấu trừ thuế giá trị gia tăng, cần sửa đổi và làm rõ các vấn đề sau:

Thứ nhất, chuyển số thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết sang các kỳ tiếp theo.

Thứ hai, bù trừ vào các nghĩa vụ thuế khác.

Về hoàn thuế giá trị gia tăng:

Thứ nhất, yêu cầu kiểm toán trước khi hoàn thuế.

Thứ hai, kiểm tra chéo hóa đơn, phân loại đối tượng nộp thuế

3.2.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật thuế GTGT

3.2.2.1 Cải cách mạnh mẽ công tác thanh tra, kiểm tra thuế

- Việc kiểm tra người nộp thuế tại trụ sở cơ quan thuế cần được thực hiện thường xuyên.

- Cơ quan thuế cần bám sát nội dung quy trình kiểm tra.

- Tăng cường công tác xác minh hóa đơn.

- Yếu tố con người giữ một vị trí quan trọng.

- Triển khai áp dụng rộng rãi các ứng dụng tin học trong công tác kiểm tra, thanh tra thuế (TTR), phần mềm phân tích thông tin rủi ro của người nộp thuế (TPR).

- Phải thực hiện tốt cả hai mặt: thanh tra và kiểm tra đối tượng nộp thuế và thanh tra, kiểm tra nội bộ ngành thuế.

-Thực hiện nghiêm túc quy trình, quy chế thanh tra, kiểm tra thuế đồng thời phải tổ chức giám sát chặt chẽ cán bộ thanh tra thuế, giám sát từng cuộc thanh tra thuế.

3.2.2.2 Hiện đại công tác quản lý thuế bằng công cụ tin học

- Triển khai, nâng cấp các ứng dụng công nghệ thông tin sẽ giúp đơn giản hóa các thủ tục hành chính, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa ngành Thuế.

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, hệ thống máy tính làm việc cá nhân, đường truyền mạng mạnh và hoạt động liên tục.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ tin học giỏi về nghiệp vụ để có thể xử lý sự cố trong mọi tình huống.

3.2.2.3 Hoàn thiện chế độ quản lý chứng từ, hoá đơn giá trị gia tăng

- Thứ nhất, khuyến khích các doanh nghiệp, hộ kinh doanh sử dụng hoá đơn điện tử.

- Thứ hai, cần hoàn thiện các quy định về hóa đơn, chứng từ.

- Thứ ba, đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát loại hoá đơn.

héo hóa đơn, phân loại đối tượng nộp thuế.

Thứ ba, quy định ngưỡng thuế giá trị gia tăng đầu vào để được hoàn thuế.

Thứ tư, hoàn thuế ở mức thấp hơn.

Thứ năm, chính sách hoàn thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp kê khai theo quý.

3.2.2.4 Sửa đổi, bổ sung một số quy định về đăng ký, kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế giá trị gia tăng

Đẩy mạnh hoạt động sử dụng dịch vụ thuế điện tử, đăng ký thuế, khai thuế qua mạng internet. Đây là một trong những yếu tố rất cơ bản để tăng hiệu quả quản lý thuế giá trị gia tăng.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Thông qua đánh giá thực trạng thi hành luật thuế giá trị gia tăng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo các tiêu chí nghiên cứu, tác giả đã phân tích những ưu điểm, cũng như những hạn chế đã nêu ở Chương 2, luận văn đã đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

KẾT LUẬN

Luận văn đã hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác quản lý thuế GTGT, phân tích đánh giá thực trạng thi hành pháp luật thuế giá trị gia tăng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn 2014 – 2018 (số liệu đến hết tháng 9 năm 2018), từ đó đề xuất định hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng trong thời gian tới, cụ thể:

1. Lý luận chung về các vấn đề cơ bản của pháp luật thuế GTGT.
2. Dựa trên các vấn đề lý luận đã tổng hợp được, luận văn đi sâu về đặc điểm tỉnh Quảng Trị và khái quát tình hình thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.
3. Để hoàn thiện nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật thuế giá trị gia tăng, luận văn đề xuất một số giải pháp.
4. Các giải pháp này cần được triển khai đồng bộ, nhất quán, đồng thời cần tính đến những trở ngại của các giải pháp này do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, cũng như những khó khăn nội tại và môi trường kinh doanh của các doanh nghiệp.

Do điều kiện thời gian có hạn và khả năng của bản thân khi tiếp cận vấn đề còn hạn chế nên mặc dù tác giả có nhiều cố gắng trong quá trình nghiên cứu song không thể tránh khỏi những thiếu sót vì vậy rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của Quý Thầy Cô để luận văn được hoàn thiện hơn và có những đóng góp tốt hơn vào lĩnh vực nghiên cứu này./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC